



VAI TRÒ CỦA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐỐI VỚI HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ CỦA CÁC CƠ QUAN BẢO HIỂM XÃ HỘI TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

PHẠM QUANG HUY, LÊ THỊ TUYẾT LINH

Trong những năm qua, việc nhận diện mức độ ảnh hưởng của các thành phần trong kiểm soát nội bộ đến sự hiệu quả của hệ thống đã được nhiều nghiên cứu đề cập. Tuy nhiên, vai trò của công nghệ trong hệ thống này tại những đơn vị công, đặc biệt là cơ quan bảo hiểm xã hội vẫn chưa được đề cập nhiều và ít được quan tâm. Bằng phương pháp định lượng và phân tích nhân tố khám phá, kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả cho thấy công nghệ thông tin có ảnh hưởng đáng kể đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ các cơ quan bảo hiểm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Bảo hiểm xã hội, kiểm soát nội bộ, công nghệ thông tin, TP. Hồ Chí Minh.

THE ROLE OF INFORMATION TECHNOLOGY IN THE INTERNAL CONTROL SYSTEM OF SOCIAL INSURANCE AGENCIES IN HO CHI MINH CITY

Pham Quang Huy, Le Thi Tuyet Linh

Over the years, influence degree of internal control components on the effectiveness of the system has been investigated in various studies. However, the role of technology in internal control system of public institutions, especially social insurance agencies, has not been frequently mentioned and has been paid little attention. Employing quantitative method and exploratory factor analysis, the research results show that information technology has a significant influence on the effectiveness of internal control system of the insurance agencies in Ho Chi Minh City.

Keywords: Social insurance, internal control, information technology, Ho Chi Minh City.

Ngày nhận bài: 10/5/2022

Ngày hoàn thiện biên tập: 27/5/2022

Ngày duyệt đăng: 3/6/2022

Giới thiệu chung

Bảo hiểm Xã hội (BHXH) giữ vai trò là trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội. Các chính sách về BHXH, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp đã được Đảng và Nhà nước ta coi trọng và từng bước điều chỉnh để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và sự phát triển

của đất nước, góp phần quan trọng thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, đời sống nhân dân, phát triển bền vững đất nước.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao phó, các cơ quan BHXH phải luôn duy trì hoạt động hiệu quả, hướng đến việc nâng cao chất lượng thông tin, giúp bộ máy của đơn vị vận hành một cách chuyên nghiệp, hữu hiệu. Theo đó, để thực thi tốt các chức năng quan trọng thì BHXH Việt Nam nói chung và BHXH các tỉnh thành, trong đó có BHXH TP. Hồ Chí Minh nói riêng cần phải có một hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB) thống nhất và chặt chẽ.

Trong thời gian gần đây, đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học tìm hiểu về những thành phần của KSNB tác động đến sự hiệu quả của đơn vị công. Tuy nhiên, vấn đề yếu tố về công nghệ có hay không có tác động đến KSNB của những cơ quan BHXH thì vẫn chưa được các nghiên cứu triển khai đầy đủ, đặc biệt đối với đối tượng là địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Với ý nghĩa và tầm quan trọng này, bằng việc sử dụng phương pháp định lượng qua mô hình thống kê, bài viết sẽ hướng đến việc xác định liệu công nghệ thông tin (CNTT) có tác động đến KSNB của những đơn vị này hay không, từ đó đưa ra một vài gợi ý chính sách đối với các cơ quan BHXH trong cả nước nói chung và trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh nói riêng.

Cơ sở lý luận và mô hình nghiên cứu

Hệ thống kiểm soát nội bộ trong tổ chức công

Trên phạm vi toàn cầu, Lý thuyết về KSNB trong đơn vị công được ban hành theo văn bản hướng



BẢNG 1: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH KMO VÀ BARLETT CHO CÁC BIẾN ĐỘC LẬP

Hệ số KMO		.876
Kiểm định Bartlett's	Chi bình phương xấp xỉ	4276.356
	df	666
	Sig.	0.000

Nguồn: Kết quả nghiên cứu

BẢNG 2: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH TƯƠNG QUAN

	MTKS	DGRR	HDKS	TTTT	GS	CNTT	HH	
MTKS	Hệ số tương quan	1						
	Mức ý nghĩa							
DGRR	Hệ số tương quan	.317**	1					
	Mức ý nghĩa	.000						
HDKS	Hệ số tương quan	.296**	.303**	1				
	Mức ý nghĩa	.000	.000					
TTTT	Hệ số tương quan	.309**	.305**	.252**	1			
	Mức ý nghĩa	.000	.000	.000				
GS	Hệ số tương quan	.324**	.243**	.277**	.307**	1		
	Mức ý nghĩa	.000	.000	.000	.000			
CNTT	Hệ số tương quan	.319**	.256**	.270**	.282**	.313**	1	
	Mức ý nghĩa	.000	.000	.000	.000	.000		
HH	Hệ số tương quan	.595**	.557**	.525**	.506**	.438**	.488**	1
	Mức ý nghĩa	.000	.000	.000	.000	.000	.000	

Nguồn: Kết quả nghiên cứu

đẫn khuôn mẫu bởi Tổ chức các Cơ quan Kiểm toán tối cao quốc tế (INTOSAI). Theo INTOSAI (1992), KSNB là cơ cấu của một tổ chức, bao gồm sự nhận thức, cách thức, phương pháp, quy trình và các giải pháp, biện pháp của nhà lãnh đạo nhằm đảm bảo sự hợp lý để đạt được các mục tiêu của tổ chức: (i) thúc đẩy các hoạt động hữu hiệu, hiệu quả và có kỷ cương cũng như chất lượng của sản phẩm, dịch vụ phù hợp với nhiệm vụ của tổ chức; (ii) bảo vệ các nguồn lực không bị thất thoát, lạm dụng, lãng phí, tham ô và vi phạm pháp luật; (iii) khuyến khích tuân thủ pháp luật, quy định của Nhà nước và nội bộ; (iv) xây dựng và duy trì các dữ liệu tài chính, lập báo cáo kịp thời. Trong hệ thống KSNB của bất kỳ một tổ chức công nào thì cũng đều được cấu tạo từ 5 thành phần với các nội dung chi tiết như sau:

- *Môi trường kiểm soát*: Là những nội dung, thành tố của đơn vị ảnh hưởng đến hoạt động của KSNB và là các yếu tố tạo ra môi trường mà trong đó toàn bộ thành viên của đơn vị nhận thức được tầm quan trọng của hệ thống này, tạo ra âm hưởng chung cho toàn bộ tổ chức.

- *Đánh giá rủi ro*: Dù cho quy mô, cấu trúc, loại hình hay vị trí địa lý khác nhau, nhưng bất kỳ đơn vị nào cũng có thể bị tác động bởi các rủi ro xuất hiện từ các yếu tố bên trong hoặc bên ngoài. Những

rủi ro phát sinh có thể ảnh hưởng đến việc đạt mục tiêu của đơn vị. Do đó, hệ thống KSNB cần phải xác định các rủi ro, phân tích và tìm giải pháp.

- *Hoạt động kiểm soát*: Những chính sách, thủ tục giúp đảm bảo phương pháp, phương hướng của đơn vị đang được thực hiện thì đều tập trung vào hoạt động kiểm soát trong đơn vị.

- *Thông tin và truyền thông*: Thông tin có liên quan mật thiết đến hệ thống kế toán của đơn vị vì kế toán được xem chính là ngôn ngữ của toàn bộ hoạt động phát sinh trong đơn vị; còn yếu tố "truyền thông" lại liên quan đến việc cung cấp thông tin cho nhân sự của đơn vị, để họ có thể hiểu rõ về vai trò và trách nhiệm của họ đối với vấn đề KSNB trong chính tổ chức mình.

- *Giám sát*: Công việc này yêu cầu một quá trình theo dõi và đánh giá chất lượng KSNB để đảm bảo việc này được triển khai, điều chỉnh và cải thiện liên tục.

Bên cạnh 5 thành phần trên thì nghiên cứu này còn nhận diện vai trò của yếu tố CNTT trong quá trình thực thi nội dung

chiến lược về định hướng phát triển của BHXH trong thời gian tới. Theo đó, CNTT được áp dụng trong khai thác và sử dụng có hiệu quả các phần mềm của BHXH Việt Nam vào công tác điều hành, quản lý và chuyên môn nghiệp vụ. Với hàng loạt yêu cầu về CNTT hiện nay cho những đơn vị này nên CNTT chính là một yếu tố đang được xem xét xem có tác động đến KSNB của các cơ quan đó không.

Phương pháp và mô hình nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp nghiên cứu định lượng bằng việc khảo sát các cán bộ, viên chức công tác tại các cơ quan BHXH ở TP. Hồ Chí Minh thông qua bảng câu hỏi được thiết kế theo thang đo 5 bậc Likert. Đồng thời, nghiên cứu cũng sử dụng phần mềm SPSS 22.0 để thống kê mô tả, đánh giá độ tin cậy của thang đo và phân tích nhân tố khám phá, đánh giá và kiểm định sự phù hợp của mô hình hồi quy như đã kết xuất.

Kết quả nghiên cứu và bàn luận

Kết quả nghiên cứu

Đầu tiên, các tác giả đánh giá độ tin cậy của thang



BẢNG 3: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HỒI QUY

Mô hình	R	R ²	R ² điều chỉnh	Độ lệch chuẩn ước tính	Durbin-Watson
1	.821a	.673	.664	.40196	2.053

Nguồn: Kết quả nghiên cứu

đo của các biến xuất hiện trong mô hình nghiên cứu. Kết quả phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha của các thang đo cho thấy tất cả các khái niệm đo lường đều đạt hệ số Cronbach Alpha từ 0.60 trở lên (biến thiên từ 0.845 đến 0.899), do đó, không cần thiết phải loại biến để nâng cao hệ số này. Ngoài ra, các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến – tổng từ 0.30 trở lên. Như vậy, thang đo các yếu tố ảnh hưởng tính hữu hiệu đều đạt độ tin cậy yêu cầu.

Tiếp đó nhóm tác giả tiến hành phân tích nhân tố khám phá để thu gom thành các nhân tố, xem xét mức độ hội tụ của biến quan sát theo từng thành phần và giá trị phân biệt giữa các nhân tố. Theo đó, thang đo 6 khái niệm độc lập sau khi kiểm định Cronbach's Alpha, các biến đạt yêu cầu sẽ được tiếp tục đưa vào phân tích nhân tố khám phá. Kết quả Kiểm định KMO và Barlett cho các biến độc lập như Bảng 1.

Hệ số KMO = 0.876 > 0.5 và giá trị Sig. của kiểm định Barlett = 0.000 < 0.05 đều đáp ứng yêu cầu. Như vậy, kết quả EFA là thích hợp. Trước khi thực hiện phân tích hồi quy, tiến hành kiểm tra hệ số tương quan Pearson để lượng hóa mức độ chặt chẽ của mối liên hệ tuyến tính giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc, cũng như giữa các biến độc lập với nhau. Kết quả phân tích tương quan được trình bày qua Bảng 2.

Kết quả trên cho thấy các biến có thể đưa vào mô hình để giải thích cho tính hữu hiệu của hệ thống KSNB. Tiếp theo sẽ tiến hành phân tích hồi quy với kết xuất phần mềm như Bảng 3.

Hệ số xác định hiệu chỉnh R² hiệu chỉnh là 0.664, điều này cho thấy mối quan hệ giữa biến độc lập với biến phụ thuộc có ý nghĩa, cụ thể là các biến độc lập góp phần giải thích 66.4% sự khác biệt về tính hữu hiệu của hệ thống KSNB tại các cơ quan BHXH trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Trong những biến của mô hình này thì phải kết luận rằng yếu tố CNTT có tác động đến KSNB của cơ quan BHXH tại TP. Hồ Chí Minh.

Bàn luận và một số gợi ý chính sách

Khi xem xét thứ tự ảnh hưởng các yếu tố thì trong các cơ quan BHXH, yếu tố có tác động quan trọng nhất chính là môi trường kiểm soát. Điều này hoàn toàn phù hợp với khung lý thuyết đã nêu ra trong phần trên. Cùng với biến này, CNTT cũng cho thấy có ảnh hưởng từ mô hình đã tạo ra. Trên cơ sở kết quả này, nghiên cứu đưa ra một số gợi ý chính

sách đối với các cơ quan BHXH như sau:

Thứ nhất, cần quan tâm đến các vấn đề thuộc về CNTT để phát huy được tính tích cực, hữu hiệu của KSNB, giúp cho hệ thống sẽ đem lại những thông tin có chất lượng khi điều hành hoạt động. Các cơ quan BHXH cần trang bị hệ thống camera giám sát đặt tại các phòng làm việc của các bộ phận để ngăn ngừa tình trạng tiêu cực, những nhiễu của cán bộ, nhân viên.

Thứ hai, tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc kê khai các khoản mục bảo hiểm theo hình thức giao dịch điện tử; hỗ trợ các cơ sở khám chữa bệnh kết nối tốt với cổng giám định chi phí bảo hiểm hay tiện ích thông báo kết quả đóng bảo hiểm; tiếp tục hỗ trợ đăng ký, khai báo, phê duyệt, giải đáp các vướng mắc... về ứng dụng VSSID cho người dân; từ đó đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động ổn định.

Thứ ba, quan tâm đầu tư mới, bảo trì bảo dưỡng đối với các thiết bị phần cứng, phần mềm. Thường xuyên thực hiện sao lưu dữ liệu, sửa chữa, bảo trì thiết bị tại các phòng nghiệp vụ...

Kết luận

BHXH được xem là tổ chức thu các nguồn quỹ liên quan đến các khoản bảo hiểm và tổ chức trực tiếp chi BHXH cho những người tham gia. KSNB luôn là một nội dung quan trọng mà ban lãnh đạo quan tâm để có những cải thiện liên tục, đáp ứng yêu cầu mới đề ra trong bối cảnh phát triển nhanh của CNTT. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng CNTT có ảnh hưởng đáng kể đến các thành phần của KSNB trong từng đơn vị. Do vậy, các cơ quan BHXH nếu muốn thúc đẩy phát triển trong nội bộ thì yêu cầu đặt ra là phải làm tốt việc ứng dụng nhanh, mạnh, chất lượng CNTT.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Thị Thu Thảo (2018), "Hoàn thiện Kiểm soát nội bộ các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các UBND xã trên địa bàn huyện Dương Minh Châu tỉnh Tây Ninh". Luận văn thạc sĩ;
2. Phạm Huyền Trang (2016), "Những nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống Kiểm soát nội bộ tại Kho bạc nhà nước trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh". Luận văn thạc sĩ Trường Đại học kinh tế TP. Hồ Chí Minh;
3. Phạm Thị Hoàng (2013), "Hoàn thiện hệ thống Kiểm soát nội bộ tại Trường Cao đẳng công nghệ thông tin TP. Hồ Chí Minh". Luận văn thạc sĩ Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;
4. Vijayakumar, A. N., & Nagaraja, N. (2012), "Internal Control Systems: Effectiveness of Internal Audit in Risk Management at Public Sector Enterprises". *BVIMR Management Edge*, 1, 1-8.

Thông tin tác giả:

PGS., TS. Phạm Quang Huy - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

Lê Thị Tuyết Linh - Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh

Email: pquanghuy@ueh.edu.vn